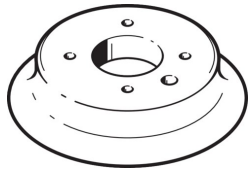


**Giắc hút không gồm đầu nối**  
**ESV-80-SS**  
Số bộ phận: 191005

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                            | Giá trị                                                     |
|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Bán kính phôi tối thiểu             | 400 mm                                                      |
| đường kính cốc hút                  | 80 mm                                                       |
| Thể tích cốc hút                    | 19.312 cm <sup>3</sup>                                      |
| Vị trí kết nối                      | bên trên                                                    |
| Vị trí lắp đặt                      | bất kì                                                      |
| Hình dạng giác hút                  | tròn phẳng                                                  |
| Áp suất vận hành                    | -95 kPa...0 kPa<br>-0.95 bar...0 bar<br>-13.775 psi...0 psi |
| Áp suất làm việc danh nghĩa         | -70 kPa                                                     |
| Áp suất vận hành định mức           | -0.7 bar                                                    |
| định mức áp suất làm việc           | -10.15 psi                                                  |
| Môi chất vận hành                   | khí quyển dựa trên ISO 8573-1: 2010 [7: -:-]                |
| Tuân thủ LABS                       | VDMA24364 Vùng III                                          |
| Phù hợp với thực phẩm               | xem thông tin tài liệu bổ sung                              |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh      | -30 °C...180 °C                                             |
| Lực giữ ở áp suất vận hành định mức | 309.7 N                                                     |
| trọng lượng sản phẩm                | 33 g                                                        |
| Màu sắc                             | trong suốt                                                  |
| Độ cứng Shore                       | 50 +/- 5                                                    |
| Ghi chú vật liệu                    | Tuân thủ RoHS                                               |
| Vật liệu giác hút                   | VMQ (Silicone)                                              |